

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH NĂM 2022
TỈNH BẮC GIANG

1. Giới thiệu POBI 2022

2. Kết quả khảo sát POBI 2022 tỉnh Bắc Giang

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH BẮC GIANG NĂM 2022			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2022)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 21	10/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 38	XẾP HẠNG 29
ĐIỂM XẾP HẠNG 81,08	5 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 33,33	ĐIỂM XẾP HẠNG 37,5
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	02 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Bắc Giang đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Bắc Giang đạt **81,08** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **21** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, giảm **9** hạng so với kết quả chấm POBI 2021.

Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Bắc Giang phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy	Điểm POBI 2022 quy đổi

	đôi ¹	
A. Trụ cột sự tham gia	200	2,82
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	300	4,23
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2022	5757	81,08
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1200	16,90
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1066	15,01
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022	400	5,63
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022	400	5,63
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022	375	5,28
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1216	17,13
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023	200	2,82
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023	100	1,41
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021	100	1,41
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	800	11,27
2. Tính kịp thời	425	5,99
3. Tính thuận tiện	850	11,97
4. Tính đầy đủ	3250	45,77
5. Tính tin cậy	166	2,34
6. Tính liên tục	266	3,75

¹ Đã tính trọng số

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử (TTĐT) của Sở Tài chính và UBND tỉnh Bắc Giang, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Cổng TTĐT của Sở Tài chính có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các tài liệu được phân chia cụ thể theo tài liệu hoặc theo năm và có nội dung mới được cập nhật. Website của HĐND tỉnh có thư mục riêng về tài liệu kỳ họp của HĐND tỉnh.
- Định dạng của tài liệu: Các tài liệu phần lớn đều được công khai dưới dạng Microsoft word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang đã công khai 10/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn; Kế hoạch Đầu tư công của tỉnh năm 2023; Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2023; và Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2021.
- 01 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách công dân năm 2023.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có 05 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 05 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo

tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn.

- 02 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm thuyết minh. Báo cáo này phản ánh 13/13 biểu (từ Biểu 33 tới Biểu 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo các loại thuế. Biểu 39/CK-NSNN phản ánh toàn bộ các nội dung của các lĩnh vực chi đầu tư (12 lĩnh vực). Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo này phản ánh 13/13 biểu (từ Biểu 46 tới Biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo các loại thuế. Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo được công khai có kèm theo báo cáo thuyết minh, nhưng phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được phê duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo được công khai có kèm theo báo cáo thuyết minh, nhưng phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo

bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được phê duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo được công khai có kèm theo báo cáo thuyết minh, nhưng phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được phê duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: Báo cáo được công khai không có theo báo cáo thuyết minh, nhưng phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được phê duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai có kèm theo báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo phản ánh đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện, trong đó phản ánh chi tiết về quyết toán số vốn trong nước và số vốn ngoài nước cho từng chương trình mục tiêu (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 106%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 132,4%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 33,1%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 64,1%,

chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 18,6%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 63% (tăng 63%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (tăng 14%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho giáo dục và đào tạo năm 2023 so với 2022 là 10% (tăng 10%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng chậm hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với 2022 (tăng 17%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số năm 2023 so với 2022 là -16,9% (giảm 16,9%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với 2022 (tăng 17%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2019, 2020 và 2021) đều được công khai trong năm năm liên tiếp.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2023; Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2019| 2020 hoặc 2021; Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2023-2025 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào ngày 11/01/2023, tuy nhiên nhóm không nhận được phản hồi.

- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh.
- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).
- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND, nhưng có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND tỉnh không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề; không công khai báo cáo giám sát về ngân sách trên cổng TTĐT của HĐND và cũng không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023 (kỳ họp tháng 12/2022).
- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính đều có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng), nhưng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai.
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không còn sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trang web của Sở Tài chính có công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc năm 2021.